

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 73 /2022/HNGĐ - ST.

Ngày: 29/09/2022

V/v: ly hôn giữa anh Nguyễn Ngọc H

Và chị Lê Thị H1

NHÂN DANH

NHÀ QUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Mạnh Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Minh Chi

2. Bà Trần Thị Kim Dung

Th- ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quang- Th- ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

Đại diện VKSND quận Hoàng Mai: Ông Hoàng Thanh Hải - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 29/ 09/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 441/2022/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 06 năm 2022 về tranh chấp: Hôn nhân và gia đình, theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 78/2022/QĐXX-ST ngày 05/09/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 135/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/09/2022 giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc H- sinh năm 1962

HKTT : Số 1 nhà 2, Tập thể bệnh viện KQ, phường T, Hoàng Mai, Hà Nội.

Chỗ ở: Phòng 704, nhà CT1, khu đô thị VH, phường H-, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Bị đơn: Bà Lê Thị H1- sinh năm 1963

HKTT : Số 1 nhà 2, Tập thể bệnh viện KQ, phường T, Hoàng Mai, Hà Nội.

Chỗ ở: Phòng 704, nhà CT1, khu đô thị VH, phường H-, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

(Có mặt ông H, vắng mặt bà H).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án là ông Nguyễn Ngọc H trình bày:

- Về tình cảm: Chúng tôi lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 16/10/1986 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Hoàng Mai, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu. Đây là lần kết hôn đầu tiên của tôi.

Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống tại Số 150 khu tập thể Bệnh Viện KQ, phường T, Hoàng Mai, Hà Nội. Đến năm 2012 chúng tôi chuyển về Phòng 704, nhà CT1, khu đô thị VH, phường H-, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Chúng tôi chung sống hạnh phúc đến vài năm gần đây phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp, cách nuôi dạy con cái, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, có những lời lẽ, hành vi thiếu tôn trọng nhau, cuộc sống vợ chồng chúng tôi không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn. Hai bên gia đình đã khuyên bảo nh- ng chúng tôi vẫn không thể hàn gắn lại. Chúng tôi sống ly thân từ tháng 1 năm 2021. Nay ông H có nguyện vọng xin ly hôn với bà Lê Thị H1.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H2- sinh ngày 09/10/1987, cháu Nguyễn Lan A- sinh ngày 10/06/1990. Do các cháu đã trưởng thành, đã có gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Động sản và bất động sản: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông H tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại phiên toà, ông H vẫn giữ nguyên các yêu cầu nh- đã trình bày.

Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho bà Lê Thị H1, bà H1 đã nhận trực tiếp theo quy định tại khoản 4,5 điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nh- ng bà H1 không đến Toà để thực hiện quyền

và nghĩa vụ tố tụng. Do vậy Tòa án không có đ-ợc lời khai của bà H1. Tòa vẫn tiến hành giải quyết theo thủ tục chung.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đối với bà Lê Thị H1 nhưng cả hai lần bà H1 vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ điều 227, điều 228 bộ luật TTDS năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt bà H1.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai đã thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa ông Nguyễn Ngọc H và bà Lê Thị H1 theo đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 bộ luật tố tụng dân sự. Việc thẩm phán tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng trình tự xét xử quy định từ điều 243 đến điều 263 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Nguyên đơn tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Pháp luật. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, điều 72 Bộ luật dân sự 2015. Thời hạn xét xử trong thời hạn luật định.

Sau khi phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án, đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Ngọc H, ông H được ly hôn với bà Lê Thị H1.

Con chung: Xác nhận ông Nguyễn Ngọc H, bà Lê Thị H1 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H2- sinh ngày 09/10/1987, cháu Nguyễn Lan A- sinh ngày 10/06/1990. Do các cháu đã trưởng thành, đã có gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ pháp lệnh, án phí và Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH14 ngày 26 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc hội ông H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm .

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai nhận định:

Về thủ tục: Ngày 22/06/2022 Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai đã thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa ông Nguyễn Ngọc H, bà Lê Thị H1 theo đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 4, khoản 5 điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nh- ng bà H1 không đến Tòa để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng. Do vậy Tòa án không có đ- ọc lời khai của bà H1. Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đối với bà Lê Thị H1 nhưng cả hai lần bà H1 vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ điều 227, điều 228 bộ luật TTDS năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt bà H1.

-Về tình cảm: Ông Nguyễn Ngọc H xây dựng gia đình với bà Lê Thị H1 năm 1986 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Mai, quận Hai Bà Trưng (nay là quận Hoàng Mai), thành phố Hà Nội vào ngày 16/10/1986. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Sau khi kết hôn ông H, bà H1 chung sống tại Số 150 khu tập thể Bệnh Viện KQ, phường T, Hoàng Mai, Hà Nội. Đến năm 2012 ông H, bà H1 chuyển về Phòng 704, nhà CT1, khu đô thị VH, phường H-, quận Hoàng Mai, Hà Nội sinh sống đến nay.

Ông H, bà H1 chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. nguyên nhân là do tính cách không hợp, cách nuôi dạy con cái, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, có những lời lẽ, hành vi thiếu tôn trọng nhau, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn. Hai bên gia đình đã khuyên bảo nh- ng ông bà vẫn không thể hàn gắn lại. Ông H bà H1 sống ly thân từ tháng 1 năm 2021. Nay ông H có nguyện vọng xin ly hôn với bà Lê Thị H1.

Xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Ngọc H, HĐXX thấy rằng hôn nhân phải đ- ọc xây dựng trên cơ sở tình cảm từ hai phía. Khi tình cảm không còn thì việc duy trì

hôn nhân là không cần thiết bởi mức độ mâu thuẫn đã căng thẳng, việc đoàn tụ là rất khó. Về phía bà H1 không có biện pháp nào cải thiện quan hệ vợ chồng vốn đang căng thẳng bởi lẽ kể từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bà H1 biết việc ông H nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng không đến Tòa để tiến hành hòa giải. Qua đó bà H1 không thể hiện ý chí nguyện vọng, không tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng, cố tình trốn tránh nghĩa vụ của mình, ông H đã được Tòa án động viên rút đơn để về đoàn tụ nhưng ông H vẫn cương quyết ly hôn. Do vậy, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà H1 đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ-ợc, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H là có cơ sở, phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

-Về con chung: Xác nhận ông Nguyễn Ngọc H, bà Lê Thị H1 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H2- sinh ngày 09/10/1987, cháu Nguyễn Lan A- sinh ngày 10/06/1990. Do các cháu đã trưởng thành, đã có gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

-Về quyền kháng cáo : Ông Nguyễn Ngọc H và bà Lê Thị H1 được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

-Về án phí: Ông H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ :

- Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2015.
- Căn cứ điều 143; 147; 177,179, 180, 238, 271; Bộ luật Tố tụng dân sự 2015
- Căn cứ Pháp lệnh về án phí, lệ phí tòa án và Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH14 ngày 26 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc hội.

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H. Ông Nguyễn Ngọc H đ-ợc ly hôn bà Lê Thị H1.

2. Về con chung: Xác nhận ông Nguyễn Ngọc H, bà Lê Thị H1 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H2- sinh ngày 09/ 10/1987, cháu Nguyễn Lan A- sinh ngày 10/06/1990. Do các cháu đã trưởng thành, đã có gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Ông Nguyễn Ngọc H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (Đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0050273 ngày 22/06/2012 của chi cục thi hành án quận Hoàng Mai)

□n xử công khai sơ thẩm có mặt ông H, vắng mặt bà H1

- Ông H đ- ọc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.
- Bà H1 đ- ọc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND quận Hoàng Mai.
- Đ- ơng sự.
- L- u.

**TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Quách Mạnh Thành